

Biểu mẫu số 14: Thuyết minh dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia/Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

THUYẾT MINH DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Dự thảo TCVN “Giống trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 14: Giống ớt”

I. THÔNG TIN CHUNG

Tổ chức chủ trì biên soạn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Cơ quan biên soạn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia

Thời gian xây dựng: Năm 2025.

II. TÓM TẮT TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG TCVN; LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG

1. Tình hình đối tượng TCVN

Ớt *Capsicum annuum* L. thuộc họ cà Solanaceae là một loại cây trồng phổ biến ở nhiều nước. Là loại rau ăn quả thương mại quan trọng.

Năm 2020 sản lượng ớt của thế giới là khoảng 60 triệu tấn bao gồm cả ớt cay, ớt chuông và ớt xanh. Châu Á hiện là khu vực sản xuất ớt lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 80% sản lượng toàn cầu. Thương mại ớt toàn cầu trị giá khoảng 35 tỷ USD mỗi năm.

Tại Việt Nam, Ớt được trồng trên khắp cả nước. Theo thống kê của Sở NN&PTNT tỉnh Lạng Sơn. năm 2020. diện tích gieo trồng ớt toàn tỉnh cao nhất từ trước đến nay với 1.389 héc-ta. Tại Đồng Tháp và đặc biệt là ở huyện Thanh Bình được coi là “vựa ớt lớn nhất miền Tây”. Các xã vùng cù lao và các xã vùng ven sông Tiền là những khu vực tập trung nhiều diện tích trồng ớt và đạt hiệu quả của huyện Thanh Bình. Sản lượng ớt tươi hơn 22.500 tấn/năm. Theo thống kê diện tích trồng ớt ở tỉnh Đồng Tháp hiện có gần 2.000 ha/năm, năng suất bình quân hơn 10 tấn/ha. Cây ớt đặc biệt là ớt chuông là loại rau cao cấp, có giá trị kinh tế cao hiện đang được đầu tư trồng phục vụ cho xuất khẩu.

Năm 2012. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của một số loài cây trồng. Trong đó có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống Ớt QCVN01-96:2012/BNNPTNT. Quy chuẩn trên đã được sử dụng làm căn cứ để tiến hành khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống Ớt từ năm 2012 cho đến nay để phục vụ công tác bảo hộ giống mới.

2. Lý do và mục đích xây dựng TCVN

a) Lý do

- Ngày 24 tháng 12 năm 2006, Việt Nam trở thành thành viên của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV). Các nước gia nhập (UPOV) sau 10 năm sẽ tiến hành bảo hộ tất cả các loài cây trồng và Khoản 64 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ 2022 đã bỏ cụm từ Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định có nghĩa là thực hiện bảo hộ tất cả các loài cây trồng. Để thực hiện được việc bảo hộ giống cây trồng mới khi có đơn đăng ký bảo hộ thì xây dựng tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS là việc cần thiết.

- Phù hợp với yêu cầu hội nhập, thương mại hóa giống và xuất khẩu và hài hòa hóa đối với khu vực và quốc tế trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả đối với giống cây trồng mới. Việc có một hệ thống tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS chính thức không chỉ tạo thuận lợi cho cá nhân tác giả, doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, mà còn giúp chứng minh nguồn gốc giống minh bạch, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ và bảo hộ giống tại thị trường nước ngoài.

b) Mục đích

- Thiết lập hành lang pháp lý và kỹ thuật cho công tác khảo nghiệm DUS giống Ớt: TCVN về khảo nghiệm DUS đối với giống Ớt sẽ là tài liệu chính thức quy định các yêu cầu, phương pháp và tiêu chí kỹ thuật để đánh giá một giống Ớt mới có đủ điều kiện được cấp bằng bảo hộ hay không. Đây là căn cứ để các cơ quan chức năng, tổ chức khảo nghiệm và các bên liên quan triển khai hoạt động khảo nghiệm một cách thống nhất, minh bạch và đúng quy định.

- Tăng cường năng lực hệ thống khảo nghiệm trong nước: Tiêu chuẩn sẽ là căn cứ để công nhận các tổ chức khảo nghiệm DUS giống ớt, đào tạo cán bộ chuyên môn, thiết lập hệ thống cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật phù hợp với đặc thù của loài cây trồng này. Qua đó, góp phần xây dựng một hệ thống khảo nghiệm bài bản, chuyên nghiệp, từng bước tự chủ kỹ thuật trong nước.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo và thương mại hóa giống: Tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng là cơ sở để các nhà chọn giống yên tâm đầu tư nghiên cứu, chọn tạo giống mới, đồng thời tạo điều kiện để thương mại hóa giống thông qua chuyển giao, hợp tác sản xuất, nhân giống. Điều này góp phần nâng cao giá trị kinh tế của ngành sản xuất rau hoa và tạo động lực phát triển bền vững.

- Tăng cường hội nhập quốc tế và hợp tác song phương trong bảo hộ giống cây trồng: TCVN khảo nghiệm DUS giống ớt sẽ là căn cứ để Việt Nam tham gia trao đổi, công nhận kết quả khảo nghiệm DUS với các quốc gia thành viên UPOV, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ và thương mại hóa giống ớt ra thị trường khu vực và thế giới.

III. GIẢI THÍCH NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO TCVN

1. Tóm tắt phần chính của Tiêu chuẩn

Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 14: Giống ớt

1. Phạm vi áp dụng

2. Tài liệu viện dẫn

3 Thuật ngữ và định nghĩa

3.1 Giống khảo nghiệm

3.2 Giống tương tự

3.3 Tính trạng đặc trưng

3.4 Cây khác dạng

4 Các từ viết tắt

5 Yêu cầu kỹ thuật

5.1 Yêu cầu về các tính trạng đặc trưng của giống

5.2 Yêu cầu về phương pháp khảo nghiệm

5.2.1 Yêu cầu vật liệu khảo nghiệm

5.2.1.1 Giống khảo nghiệm

5.2.1.1.1 Lượng giống gửi khảo nghiệm:

5.2.1.1.2 Chất lượng hạt giống:

5.2.1.1.3 Thời gian gửi giống:

5.2.1.2. Giống tương tự

5.2.2 Phân nhóm giống khảo nghiệm

5.2.3 Phương pháp bố trí thí nghiệm

5.2.3.1 Thời gian khảo nghiệm

5.2.3.2 Điểm khảo nghiệm

5.2.3.3 Bố trí thí nghiệm

5.2.3.4 Các biện pháp kỹ thuật

5.2.4 Phương pháp đánh giá

5.2.4.1 Đánh giá tính khác biệt

5.2.4.2 Đánh giá tính đồng nhất

5.2.4.3 Đánh giá tính ổn định

6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị để khảo nghiệm

Phụ lục A (quy định): Bảng các tính trạng đặc trưng theo dõi một số tính trạng.

Phụ lục B (quy định): Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS giống Ớt

Phụ lục C (tham khảo): Giải thích, minh họa và hướng dẫn theo dõi các tính trạng

Phụ lục D (tham khảo): Hướng dẫn kỹ thuật canh tác giống Ớt

Phụ lục E (quy định): Báo cáo kết quả khảo nghiệm.

2. Giải thích những quy định trong Tiêu chuẩn (*Giải thích, làm rõ căn cứ khoa học và thực tiễn của những chỉ tiêu/quy định tại phần nội dung kỹ thuật của dự thảo; Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng, tiến hành lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật; phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của đối tượng quản lý để xác định phương thức quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn*)

2.1. Căn cứ khoa học và thực tiễn đối với các nội dung của dự thảo

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống Ớt QCVN01-96:2012/BNNPTNT

+ TG/234/1 Guidelines for the Conduct of tests for Distinctness, Uniformity and Stability of Chilly

- + TG/1/3 General Introduction to the Examination of Distinctness. Uniformity and Stability and the Development of Harmonized Descriptions of New Varieties of Plants (Hướng dẫn chung về đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và hài hòa hóa trong mô tả giống cây trồng mới)
- + TGP/8/1: Trial design and techniques used in the examination of Distinctness. Uniformity and Stability (Phương pháp bố trí thí nghiệm và các biện pháp kỹ thuật được sử dụng để đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định)
- + TGP/9/1 Examining Distinctness (Đánh giá tính khác biệt)
- + TGP/10/1 Examining Uniformity (Đánh giá tính đồng nhất)
- + TGP/11/1 Examining Stability (Đánh giá tính ổn định)

2.2. Khảo sát thực địa phục vụ xây dựng nội dung dự thảo TCVN

Để xây dựng bảng tính trạng đặc trưng, Ban soạn thảo đã thực hiện khảo sát thực tế các giống ớt đang được sản xuất phổ biến trong nước và tham khảo cơ sở dữ liệu giống tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống (Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện nghiên cứu rau quả, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, Hiệp hội giống cây trồng Việt Nam, Chuyên gia về cây ớt...).

a) Căn cứ lựa chọn tính trạng

Các tính trạng được lựa chọn đưa vào bảng tính trạng đặc trưng dựa trên 3 nguyên tắc:

- Tính di truyền ổn định và ít chịu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh;
- Có khả năng quan sát hoặc đo lường được bằng phương pháp khách quan, khoa học;
- Có tính phân biệt rõ ràng giữa các giống (nhằm phục vụ mục tiêu phân biệt giống trong khảo nghiệm DUS).

Bảng tính trạng trong dự thảo bao gồm 66 tính trạng được phân loại tính trạng chất lượng (PQ), số lượng (QN) và giả chất lượng (QL), sử dụng các mã số theo thang điểm UPOV để đảm bảo chuẩn hóa và khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế.

b) Phân loại và minh họa tính trạng

- Các tính trạng được phân theo loại (VG, VS, MS, MG...) và được ghi chú rõ ràng trong bảng cùng phương pháp quan sát (trực quan hoặc đo đếm), hình thức ghi nhận (cá thể hay nhóm), kết hợp với minh họa trong Phụ lục A để giúp cán bộ

khảo nghiệm dễ dàng nhận diện và thực hiện đánh giá.

- Một số tính trạng đặc biệt quan trọng và được đánh dấu (*) để đảm bảo luôn phải sử dụng trong mô tả giống.

c) Khả năng ứng dụng trong thực tiễn

Bảng tính trạng được xây dựng vừa đảm bảo tính khoa học, vừa phù hợp với điều kiện sản xuất, khảo nghiệm tại Việt Nam.

Các nội dung kỹ thuật trong Dự thảo TCVN DUS giống ớt được xây dựng chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tiễn và có khả năng ứng dụng cao. Việc ban hành tiêu chuẩn này sẽ tạo nền tảng quan trọng để triển khai khảo nghiệm DUS, thẩm định và bảo hộ giống ớt một cách minh bạch, chính xác, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn trong nước.

3. Tính ưu việt và những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo

3.1. Tính ưu việt của dự thảo Tiêu chuẩn

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, hài hòa với hệ thống UPOV: Cấu trúc, phương pháp đánh giá và quy trình khảo nghiệm tuân thủ theo hướng dẫn TG/1/3, TGP/8, TGP/9, TGP/10, TGP/11 của UPOV. Điều này giúp Việt Nam tăng cường khả năng công nhận lẫn nhau trong khảo nghiệm DUS, thuận lợi cho xuất khẩu giống và hội nhập quốc tế.

- Bảng tính trạng đặc trưng toàn diện, khoa học và dễ áp dụng: Với 66 tính trạng đặc trưng được lựa chọn dựa trên phân tích chuyên môn trong đó bảng tính trạng phản ánh đầy đủ sự đa dạng hình thái phân biệt giữa các giống ớt, đồng thời được minh họa rõ trong phụ lục kỹ thuật.

- Quy định chi tiết về vật liệu khảo nghiệm và điều kiện thực hiện: Dự thảo quy định rõ số lượng vật liệu, chất lượng vật liệu, bố trí thí nghiệm, yêu cầu về cơ sở vật chất – tạo cơ sở đồng bộ trong tổ chức khảo nghiệm giữa các đơn vị.

- Phù hợp với năng lực tổ chức khảo nghiệm trong nước: Cách bố trí thí nghiệm, quy mô, phương pháp đánh giá đã được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi triển khai.

3.2 Những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo

Nhằm hoàn thiện Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về “Giống cây trồng nông

nghiệm – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 14: Giống ốt”, các cơ quan, tổ chức và cá nhân được đề nghị tập trung góp ý vào các nội dung chính sau:

a) Tính đầy đủ, hợp lý và khả thi của bảng tính trạng đặc trưng

- Số lượng tính trạng 66 tính trạng tính trạng để phân biệt giữa các giống ốt được biết đến rộng rãi và giống đăng ký bảo hộ.

- Các tính trạng chất lượng, số lượng và giả chất lượng đã phù hợp chưa. Có nên đề xuất bổ sung/bỏ tính trạng nào không.

- Các trạng thái biểu hiện của tính trạng đã phù hợp về khoa học đã đầy đủ trong thực tế chưa.

- Đặc biệt là các tính trạng bổ sung về đánh giá tính kháng bệnh dịch: xin ý kiến về tên bệnh, phương pháp lây bệnh để đánh giá tính kháng bệnh trong phần phụ lục C.

- Cách phân loại mã số trạng thái biểu hiện, thang điểm (1–9) và cách ghi nhận (VG, VS, MS, MG...) có dễ hiểu và phù hợp với điều kiện triển khai tại đơn vị không.

* Gợi ý: Đặc biệt chú ý các tính trạng đánh dấu (*), vì đây là các tính trạng bắt buộc phải sử dụng trong Bảng tính trạng đặc trưng của giống và trong cả hai vụ khảo nghiệm.

b) Yêu cầu về vật liệu khảo nghiệm và giống tương tự

- Số lượng vật liệu khảo nghiệm và yêu cầu về chất lượng mẫu có phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của tác giả giống không.

- Quy định về việc đề xuất giống tương tự và so sánh với giống khảo nghiệm trong tờ khai kỹ thuật có rõ ràng, dễ áp dụng không.

c) Quy định bố trí thí nghiệm và phương pháp khảo nghiệm

- Số lần nhắc lại tối thiểu là 2. Khoảng cách mật độ trồng, số cây thí nghiệm bố trí tối thiểu 20 cây trên 1 lần nhắc lại.

- Phương pháp đánh giá tính khác biệt, đồng nhất và ổn định có rõ ràng, dễ áp dụng không.

d) Các phụ lục và biểu mẫu đính kèm

- Tờ khai kỹ thuật (Phụ lục B) có dễ sử dụng, đầy đủ và cần bổ sung thông tin gì không.

- Phụ lục C đã minh họa rõ ràng cách theo dõi, đánh giá các tính trạng chưa.
- Phụ lục D về quy trình kỹ thuật canh tác có phù hợp không.

đ) Ngôn ngữ và cách diễn đạt trong tiêu chuẩn

- Cách trình bày, diễn giải các thuật ngữ chuyên môn, ký hiệu có rõ ràng, nhất quán và dễ hiểu đối với cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp giống, tổ chức khảo nghiệm không.

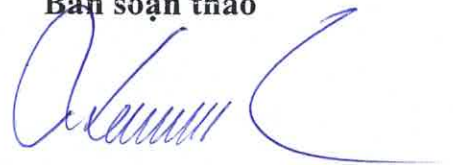
- Cần rà soát các lỗi đánh máy, từ ngữ chưa thống nhất giữa phần kỹ thuật và phụ lục.

Lưu ý chung khi góp ý:

- Góp ý cần ghi rõ điểm chưa phù hợp, đề xuất sửa đổi cụ thể, và nêu lý do.
- Khuyến khích gửi kèm minh họa, ví dụ thực tiễn (nếu có), đặc biệt với các tính trạng về hình thái hoặc kinh nghiệm thực tế.

....., ngày tháng năm 2025

Ban soạn thảo



Bùi Ngọc Tuyền